

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/05/2023.

V/v tranh chấp: xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nhàn**

2. Bà **Trần Kim Chi**

- Thư ký phiên tòa: bà **Phan Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa: ông **Nguyễn Văn Quý** - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 05 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐST- HNGĐ ngày 24/04/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh LÊ ĐÌNH C** – sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Chị HUỖNH THỊ KIỀU H** – sinh năm 1981;

Địa chỉ: số 190B khu phố 3, Thị trấn V, huyện G, Tiền Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn anh Lê Đình C trình bày: anh và chị Huỳnh Thị Kiều H cưới nhau vào năm 2010, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Sau khi cưới anh và chị H sống hạnh phúc được 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị H thấy không

sống chung được nên về nhà cha mẹ ruột sống, nên anh và chị H sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay anh C yêu cầu xin ly hôn với chị H.

- Về con chung: có 02 cháu tên Lê Huỳnh Thiên A – sinh ngày 01/8/2011 và Lê Huỳnh Vân A – sinh ngày 29/12/2018. Hiện hai cháu Thiên A và Vân A đang sống với chị H. Khi ly hôn anh yêu cầu để chị H tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Thiên A và Vân A, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn chị Huỳnh Thị Kiều H trình bày: chị và anh Lê Đình C cưới nhau vào năm 2010, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Sau khi cưới chị và anh C sống H phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh C có tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm lo cho vợ, con. Chị và anh C sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Nay anh C yêu cầu xin ly hôn, phía chị H đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 cháu tên Lê Huỳnh Thiên A – sinh ngày 01/8/2011 và Lê Huỳnh Vân A – sinh ngày 29/12/2018. Hiện hai cháu Thiên A và Vân A đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Thiên A và Vân A, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh Lê Đình C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Huỳnh Thị Kiều H; về con chung: anh C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Huỳnh Vân A – sinh ngày 29/12/2018, để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Huỳnh Thiên A – sinh ngày 01/8/2011, lý do là anh không có khả năng cấp dưỡng nuôi con, anh và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Kiều H xin vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Đình C; về con chung: giao cho chị Huỳnh Thị Kiều H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu tên Lê Huỳnh Thiên A – sinh ngày 01/8/2011 và Lê Huỳnh Vân A – sinh ngày 29/12/2018, anh Lê Đình C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét bị đơn chị Huỳnh Thị Kiều H có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Đình C là có cơ sở. Vì anh Lê Đình C và chị Huỳnh Thị Kiều H cưới nhau vào năm 2010, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V số 76 ngày 27/06/2011. Sau khi cưới anh C và chị H sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên anh C và chị H sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay, mà giữa anh C, chị H vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Phía chị H cũng đồng ý ly hôn với anh C. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị H là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu Lê Huỳnh Thiên A – sinh ngày 01/8/2011 và Lê Huỳnh Vân A – sinh ngày 29/12/2018. Xét yêu cầu của chị H là có cơ sở vì hiện tại hai cháu Thiên A và Vân A đang sống với chị đã ổn định cuộc sống, nếu thay đổi sẽ ảnh hưởng tâm lý cũng như sinh hoạt bình thường của hai cháu. Phía anh C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Vân A với lý do là không có khả năng cấp dưỡng nuôi con, cho thấy anh C không có khả năng nuôi dưỡng cháu Vân A. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho hai cháu Thiên A và Vân A, Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu Thiên A và Vân A cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Thiên A và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị H yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu này của chị H là có cơ sở vì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu Thiên A và Vân A cho chị H nuôi dưỡng nên anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về mức cấp dưỡng thì theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình thì mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nhưng chị H và anh C không thỏa thuận được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh C và nhu cầu thiết yếu của hai cháu Thiên A và Vân A, đồng thời theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng mỗi tháng không quá $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định là 745.000 đồng/cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị H là phù hợp với Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: anh C và chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nếu sau này anh C và chị H có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: do anh C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Đình C.

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình C và chị Huỳnh Thị Kiều H.

- Về con chung: giao cho chị Huỳnh Thị Kiều H được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Lê Huỳnh Thiên A – sinh ngày 01/8/2011 và Lê Huỳnh Vân A – sinh ngày 29/12/2018 cho đến khi hai cháu Thiên A và Vân A đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Lê Đình C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng hai cháu Thiên A và Vân A mỗi tháng là **745.000** đồng/cháu (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) (hai cháu là **1.490.000** đồng), bắt đầu thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu Thiên A và Vân A đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Lê Đình C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: anh Lê Đình C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo biên lai thu số 0026768 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy anh C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Báo nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã V
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh